

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/5/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phan Phước Tân**

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 182/2019/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 5, ấp Phú Quới, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng)

Bị đơn: Ông **Phạm Thanh T**, sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ 5, ấp Phú Quới, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Trần Thị P nội dung được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà P và ông Phạm Thanh T là do tự tìm hiểu, yêu thương và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc; hiện nay cả hai đã không

sống chung nhau khoảng 01 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà P và ông T có ba con chung tên: Phạm Thị Thoại Chi, sinh ngày 01/5/1997; Phạm Đức Qui, sinh ngày 01/5/1997; Phạm Đức Thọ, sinh ngày 30/6/2006; Hiện nay cháu Chi và Qui đã trưởng thành, sống tự lập được. Khi ly hôn bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thọ, yêu cầu ông T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông T theo quy định nhưng ông T vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông T làm việc nhưng vẫn không gặp ông T để ghi lời khai. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà P và ông T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà P xin vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P và ông T theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhân thấy, ông T và bà P là vợ chồng có đăng ký kết hôn, qua kết quả xác minh thì ông T vẫn còn cư trú địa phương nhưng đi làm ăn xa không quan tâm đến vợ và con, Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của ông T do đó có căn cứ để cho ly hôn, về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh T; đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, bà P có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà P theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà P, ông T do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang vào ngày 16/02/2002 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của bà Trần Thị P và ông Phạm Thanh T ngày 29/3/2019 được ông Nguyễn Văn Nguyên – Tổ trưởng ấp Phú Quới, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết hôn nhân giữa bà P và ông T là tự yêu thương và có tổ chức lễ cưới; cả hai có ba con chung, hiện nay thì các con chung đã lớn; bà P và ông T đã sống ở ấp Phú Quới, xã Phú Hữu được 15 năm nay, cả hai phát sinh mâu thuẫn cách đây được 04 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn mà ông Nguyễn được biết là do ông T ở nhà thường hay rượu chè, cờ bạc, ông T không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến cả hai tranh cãi với nhau nên hiện tại bà P và ông T đã ly thân được khoảng 01 năm và cũng đã bỏ địa phương đi mỗi người một nơi để làm ăn; bà P bỏ lên Bình Dương còn ông T thì lên Long An.

Tại biên bản xác minh nơi cư trú của ông Phạm Thanh T ngày 29/3/2019 được ông Trần Trung Hiếu – Trưởng Công an xã Phú Hữu cho biết ông Phạm Thanh T hiện tại vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phú Quới, xã Phú Hữu; hiện tại thì ông T đã đi làm ăn xa nên không còn ở địa phương.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm, địa phương biết, gia đình biết cả hai không còn yêu thương nhau.

Trong thời gian ly thân nhau nhưng ông T không quan tâm đến vợ và con, bỏ mặc vợ con, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

.

[3]Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà P và ông T có ba con chung tên: Phạm Thị Thoại Chi, sinh ngày 01/5/1997; Phạm Đức Qui,

sinh ngày 01/5/1997; Phạm Đức Thọ, sinh ngày 30/6/2006, khi ly hôn bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Thọ; cháu Chi và Qui đã trưởng thành, sống tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà P không yêu cầu ông T cấp cấp dưỡng nuôi con chung, theo quy định của pháp luật. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay thì con chung đang sống với bà P. Tại biên bản lấy thời khai của cháu Phạm Đức Thọ ngày 15/3/2019 thì cháu Thọ cũng trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà P. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, nghĩ nên chấp nhận để cho bà P tiếp tục nuôi dạy con chung là phù hợp.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà P biết: Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có. Do ông T vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông T có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí:

Bà P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 348 ngày 16/02/2002 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Trần Thị P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phạm Đức Thọ, sinh ngày 30/6/2006.

Công nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huy trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số TU/2016/0011133 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà P đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2019) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phạm Thanh T được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh ;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi